



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Ngày 30/09/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.2%	-7.6%	-

DT thuần Q3/25
184
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 85.6 87.1%
YoY: ▲ 41.0 28.8%

LN thuần Q3/25
49.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.3 90.4%
YoY: ▲ 0.70 1.5%

LN sau thuế Q3/25
38.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.1 78.4%
YoY: ▼ 2.80 -6.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
27.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

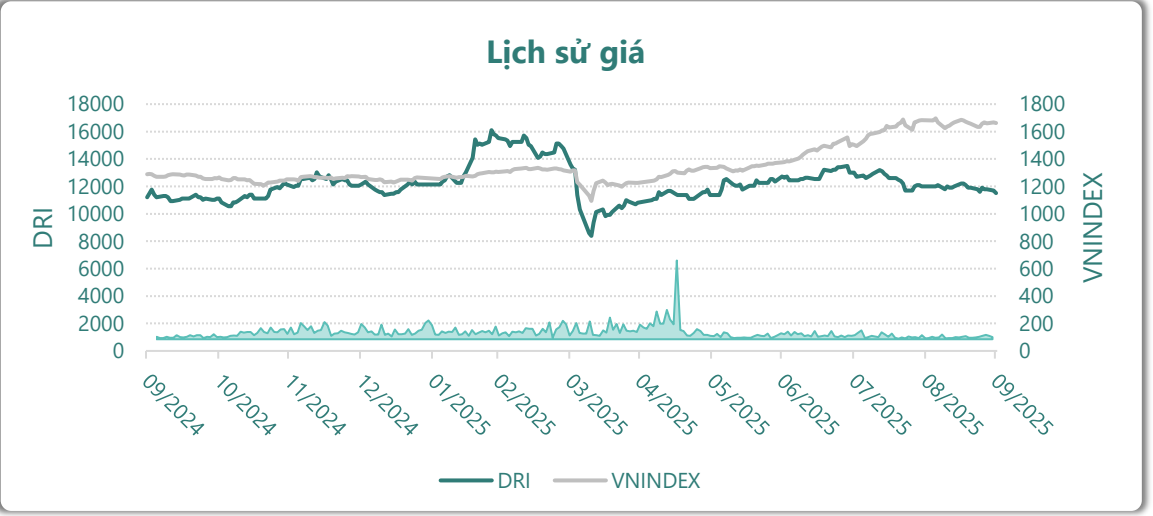
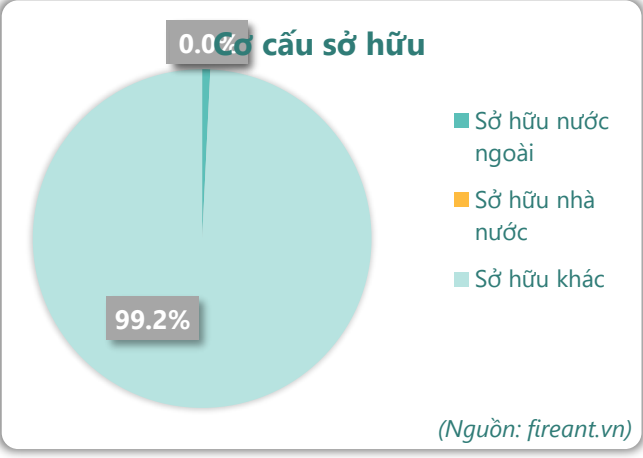
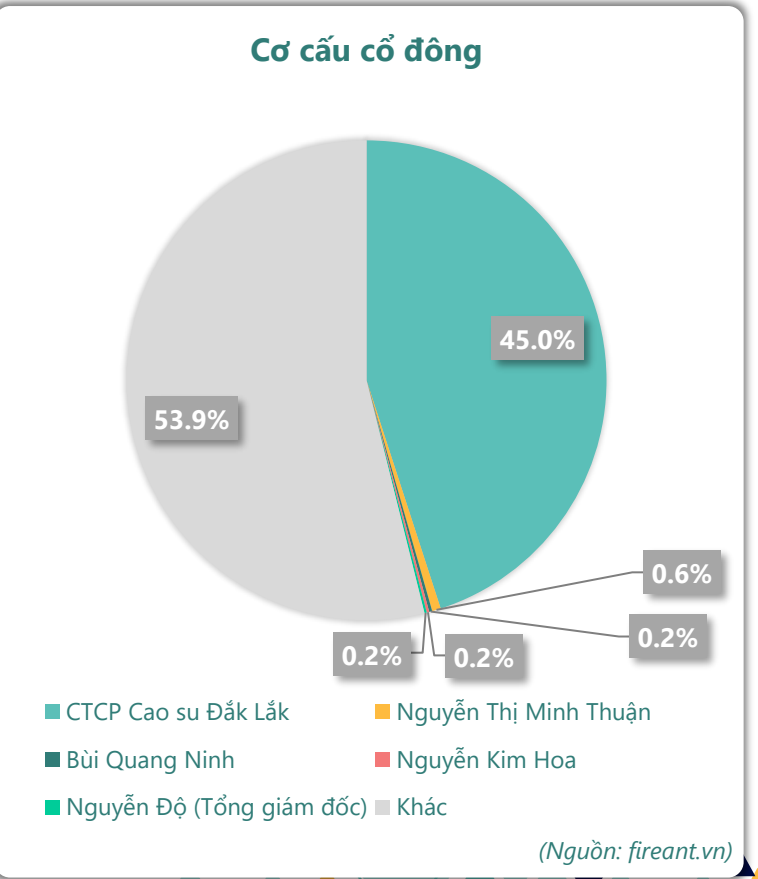
ROE (TTM) Q3/25
24.9%
YoY: +/-▼ 2.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,389 - 16,104
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	842
Số lượng CPLH (CP)	73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	434,050
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.50
EPS	2,121
P/E	5.4

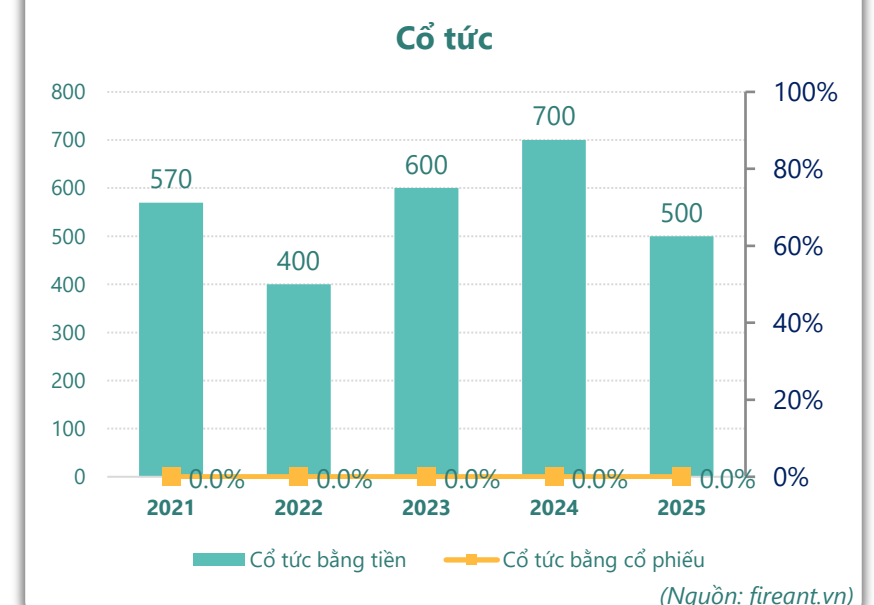
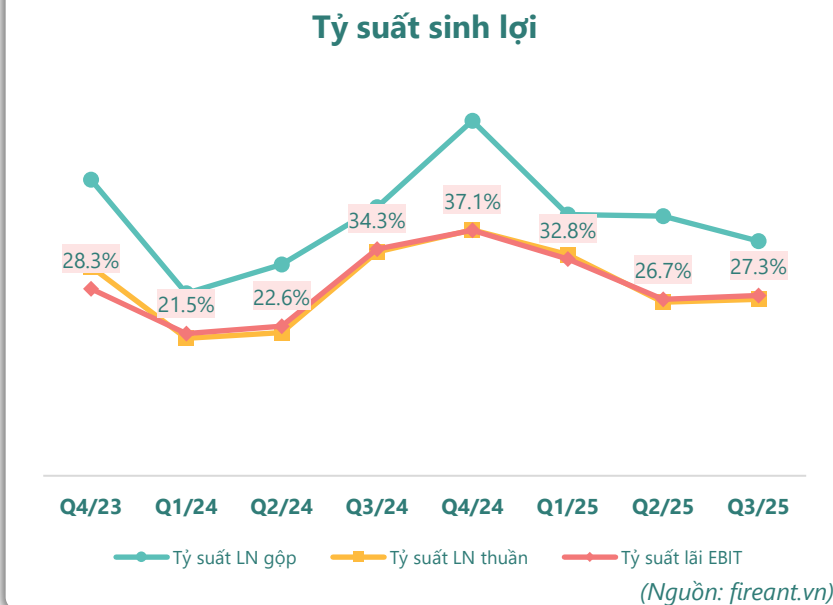
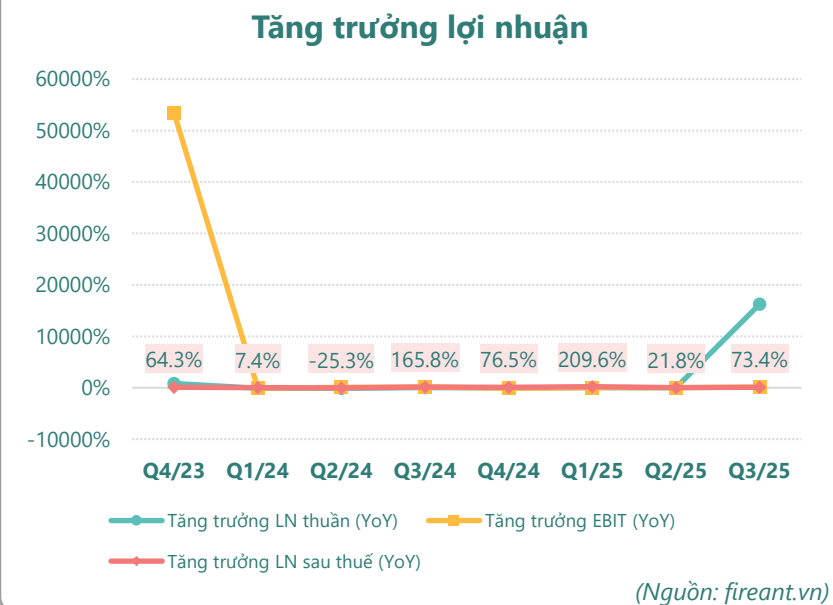
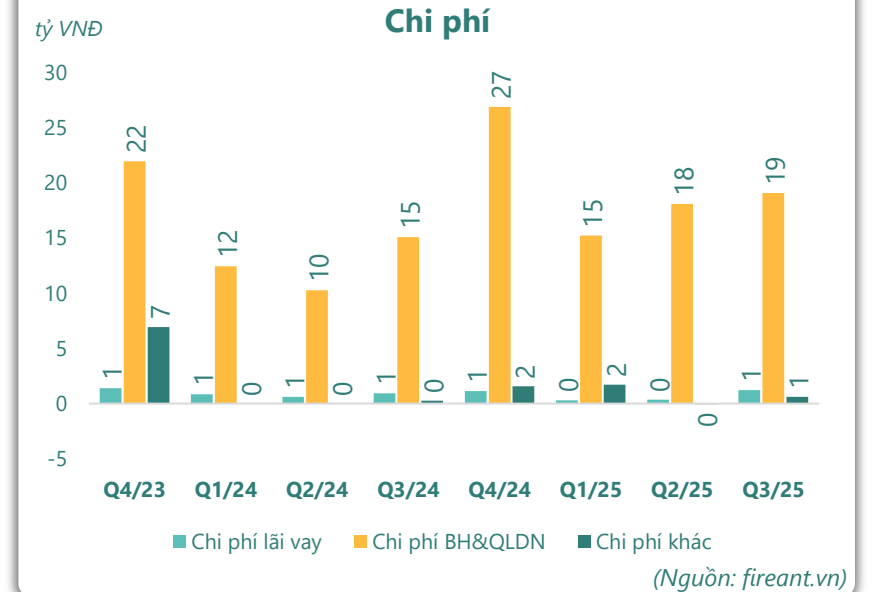
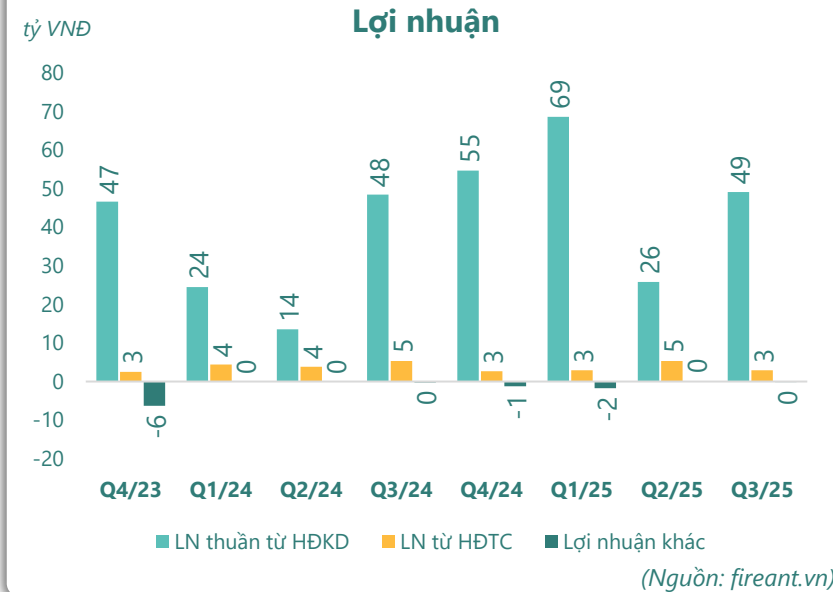
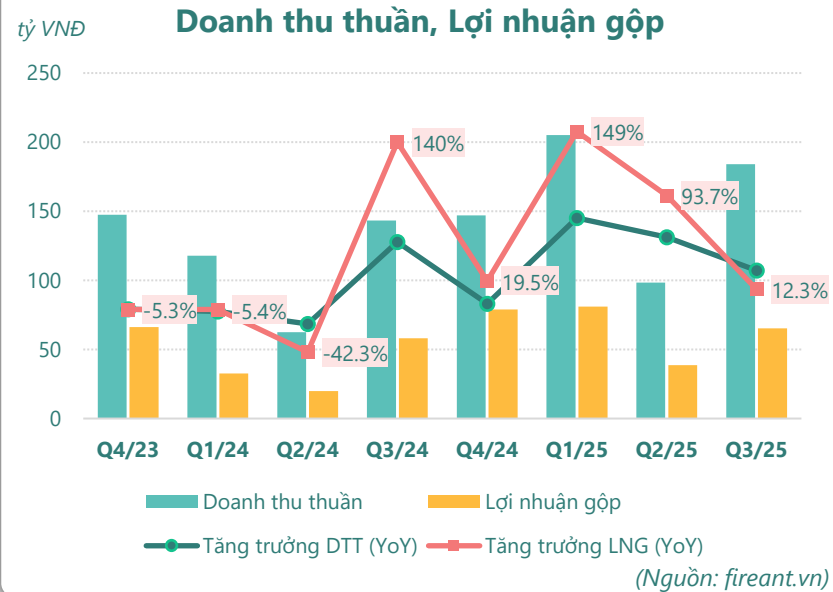
DT thuần 9T 2025
488
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 165 50.8%

LN thuần 9T 2025
144
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.6 66.1%

LN sau thuế 9T 2025
117
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.9 61.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH



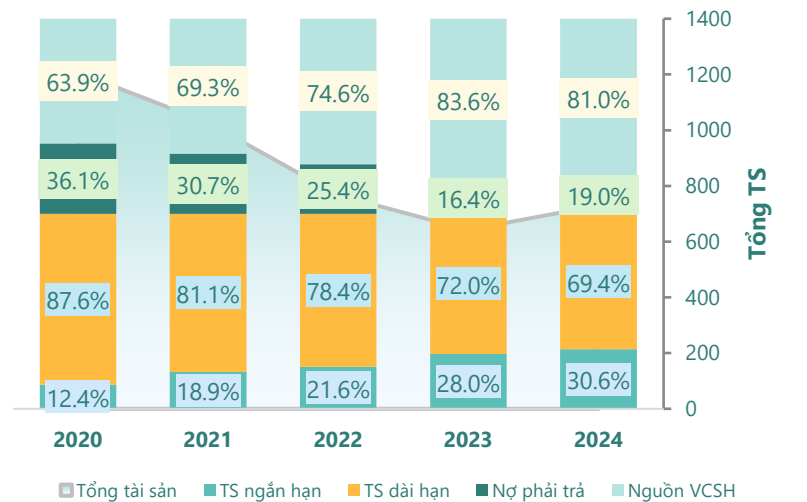


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

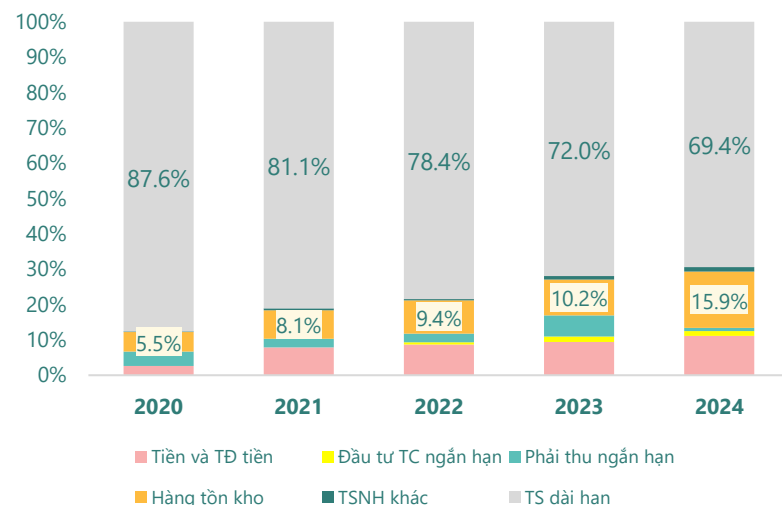
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

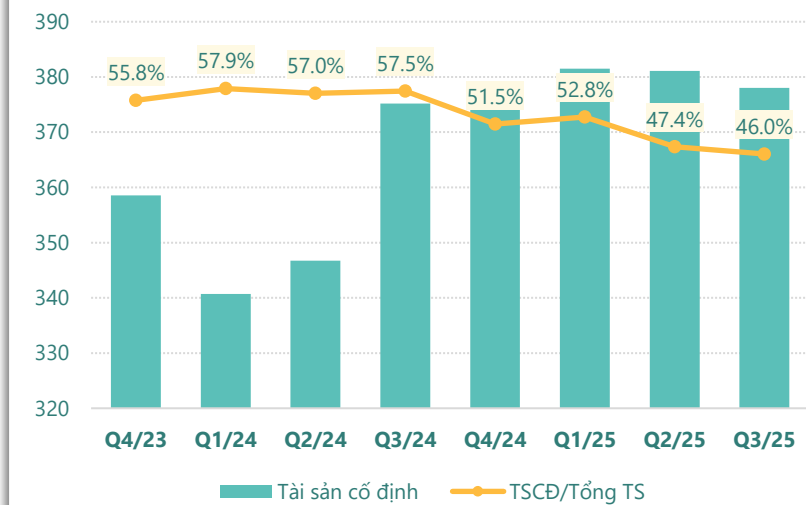
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

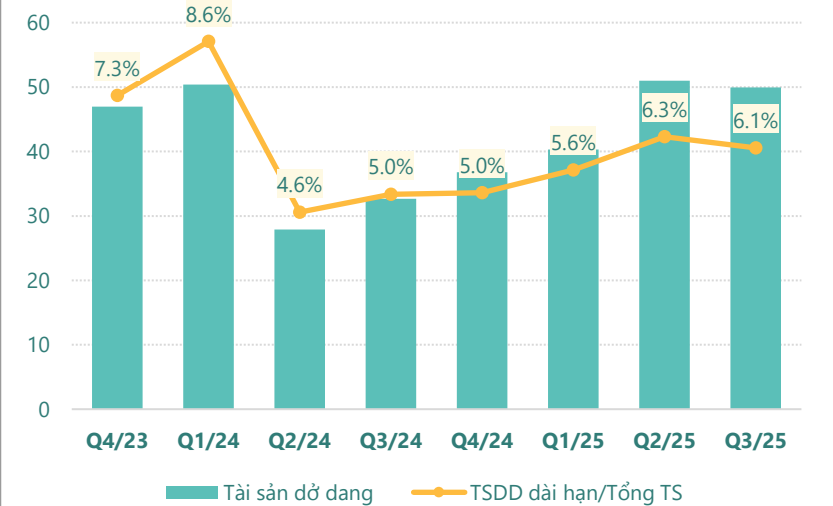
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

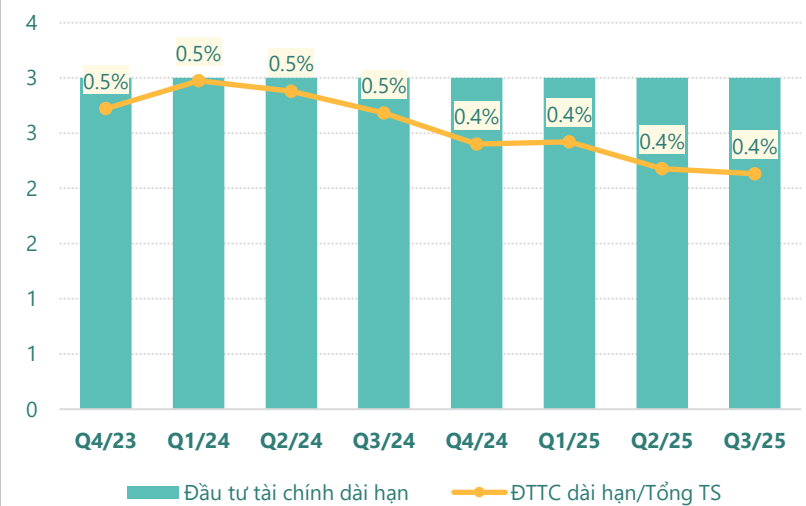
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

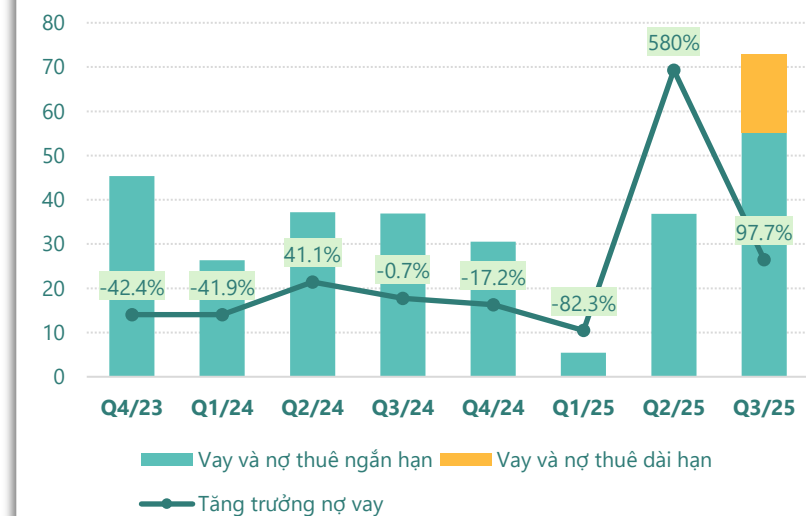
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

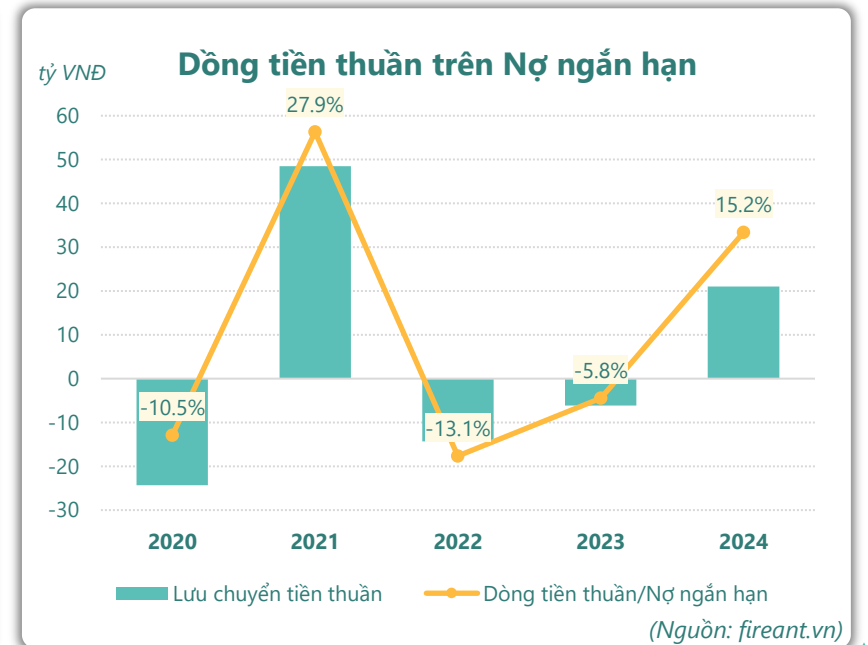
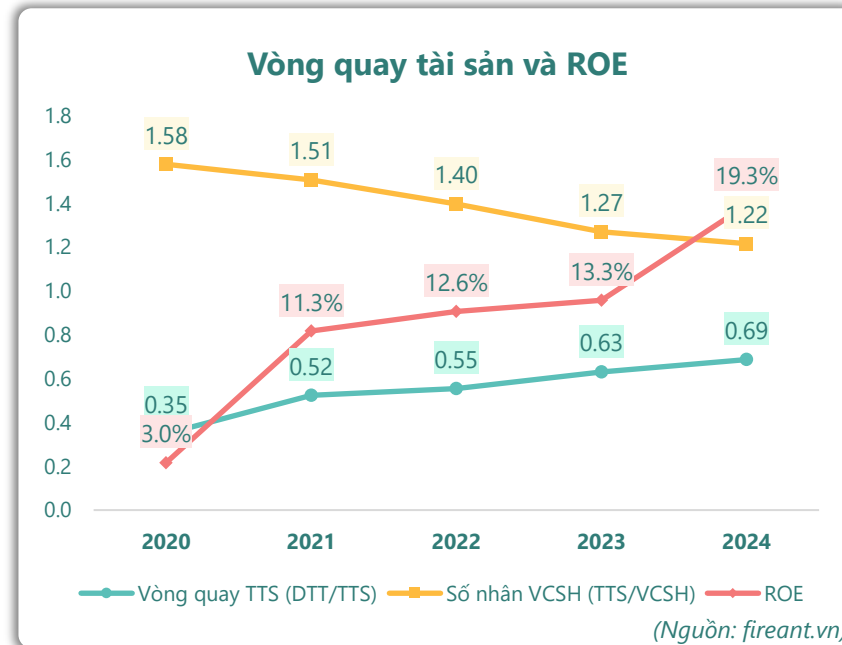
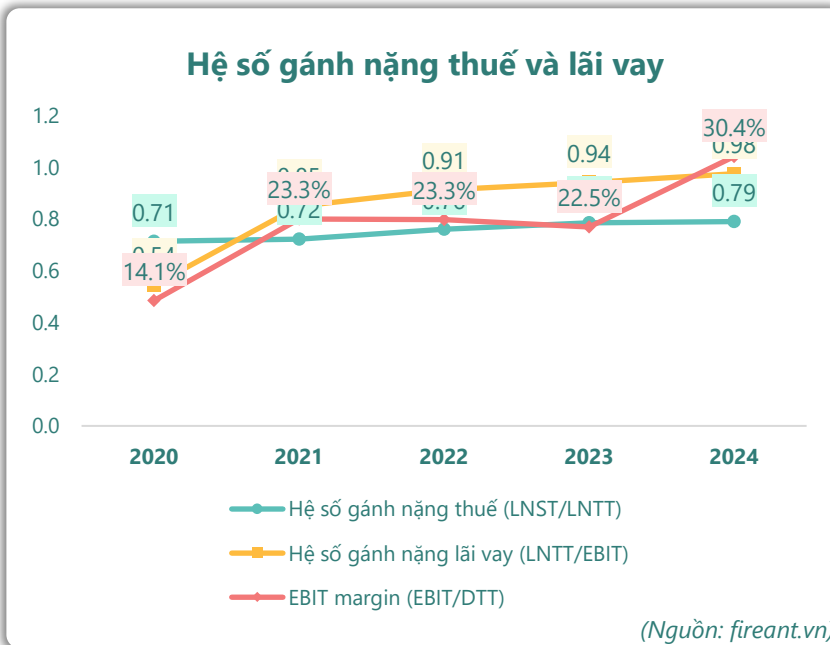
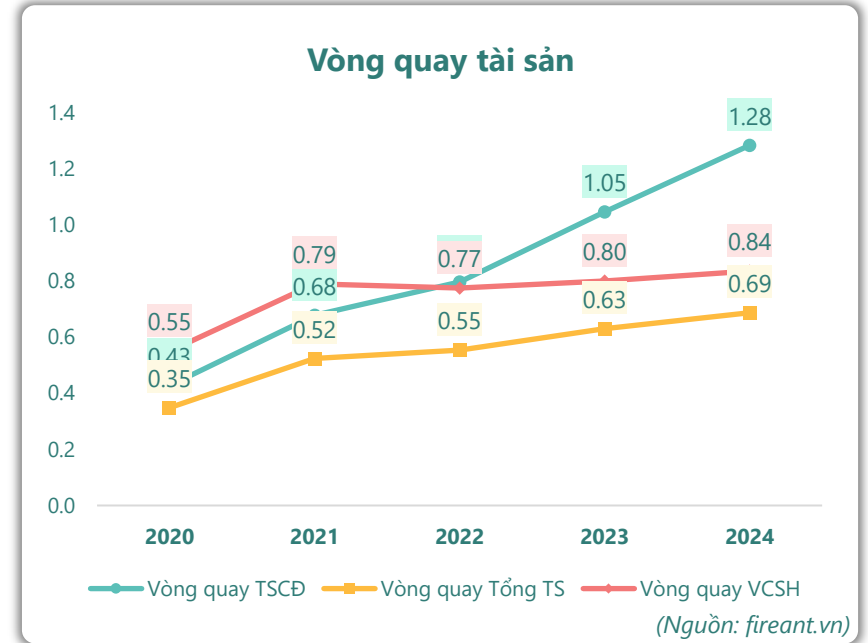
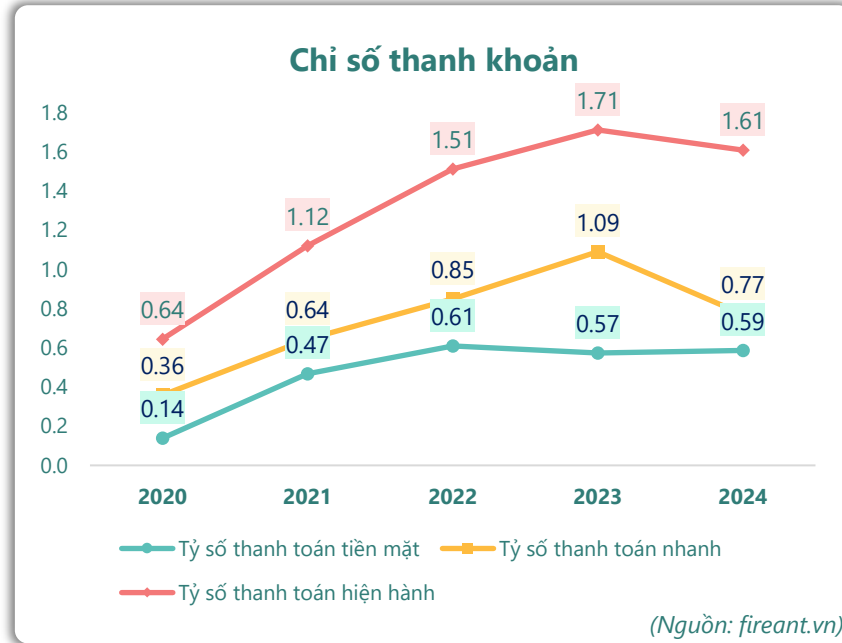
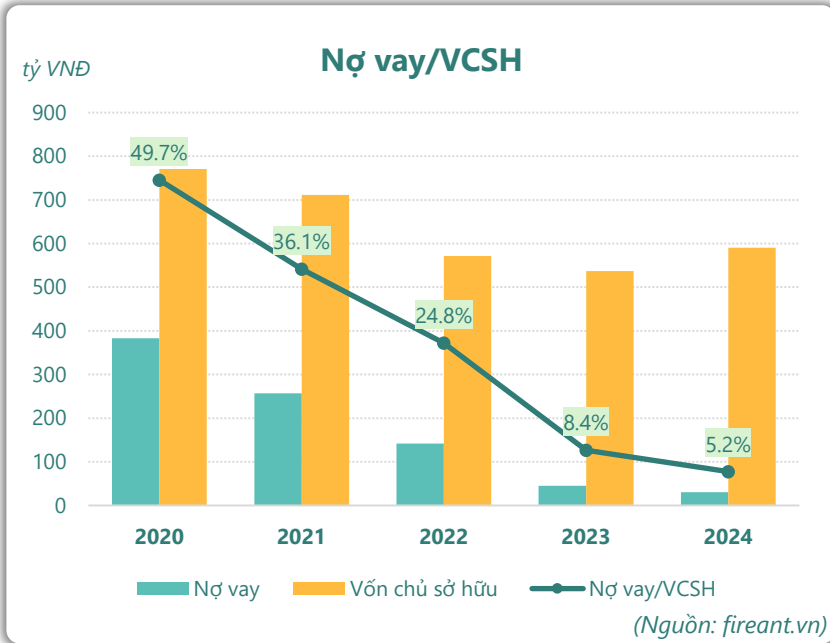
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	184	143	28.8%	488	323	50.8%
Giá vốn hàng bán	119	85.0	39.7%	303	213	42.2%
Lợi nhuận gộp	65.4	58.2	12.3%	185	111	67.2%
Doanh thu HĐTC	5.71	7.18	-20.5%	15.9	17.6	-9.5%
Chi phí TC	2.82	1.83	54.2%	4.85	3.94	22.9%
Chi phí lãi vay	1.21	0.93	29.8%	1.86	2.38	-21.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.64	8.31	-8.1%	21.6	20.7	4.2%
Chi phí QLDN	11.5	6.78	69.3%	30.9	17.1	80.4%
LN thuần từ HĐKD	49.1	48.4	1.5%	144	86.4	66.1%
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.25	51.3%	-1.76	-0.25	-594%
LN trước thuế	49.0	48.2	1.7%	142	86.2	64.6%
Lợi nhuận sau thuế	38.9	41.7	-6.7%	117	72.1	61.7%
LNST của CĐ cty mẹ	39.0	39.9	-2.3%	117	70.3	66.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.84	48.1	69.9	52.1	-18.5	36.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.83	-5.93	1.43	-2.52	-6.18	-72.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.31	-22.3	-40.8	-27.2	31.0	-1.21
Tiền đầu kỳ	28.4	31.0	50.4	81.1	104	115
Lưu chuyển tiền thuần	1.65	19.8	30.5	22.4	6.29	-37.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.91	-0.37	0.15	0	5.48	-5.37
Tiền cuối kỳ	31.0	50.4	81.1	104	115	72.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	821	729	12.6%
Tài sản ngắn hạn	292	223	31.0%
Tiền và tương đương tiền	72.3	81.1	-10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.0	10.0	520%
Phải thu ngắn hạn	30.6	6.48	373%
Hàng tồn kho	124	116	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.62	9.21	-71.6%
Tài sản dài hạn	529	506	4.5%
Phải thu dài hạn	80.0	80.0	0.0%
Tài sản cố định	378	375	0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.0	36.8	35.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	18.1	11.0	63.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	145	138	4.8%
Nợ ngắn hạn	127	138	-8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.1	30.5	80.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.72	4.10	39.7%
Nợ dài hạn	17.7	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	17.7	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	676	591	14.4%
Vốn chủ sở hữu	676	591	14.4%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

